

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **25/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **11/6/2019**

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Đầu.

2. Ông Nguyễn Phước Lộc - Giám đốc Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03/01/2019 về việc: “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H và anh L có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Năm 2014, tôi và anh Trần Quốc L tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2015 tại UBND thị trấn Dương Đông, huyện P.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu

thuần, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng tiền bạc anh L chia đôi, thường xuyên ăn nhậu không lo cho gia đình vợ con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi không còn yêu thương anh L nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 23/10/2015. Tôi yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu H cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Quốc L đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Tại tại đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt ngày 26/3/2019 anh L cho rằng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H, thống nhất giao con chung Trần Ngọc N cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc Lý đã được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H đã có lời khai và cũng xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2014, chị Lê Thị Ngọc H và anh Trần Quốc L tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2015 tại UBND thị trấn Dương Đông.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Chị H cho rằng không còn tình cảm với anh L nên xin được ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hai người đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo lời trình bày của chị H là do anh L không lo cho gia đình vợ con. Nay chị H yêu cầu được ly hôn thì anh L cũng đồng ý nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị H cho rằng vợ chồng có một người con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 23/10/2015 và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N cho đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, cháu N là bé gái, hiện còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không có yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh L đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Quốc L.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Ngọc N, sinh ngày 23/10/2015 cho chị Lê Thị Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị H và các thành viên trong gia đình của chị Hân không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung của anh Lý.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không có yêu cầu nên miễn xét.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh L đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008202, ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, chị H đã nộp xong.

Chị Lê Thị Ngọc H và anh Trần Quốc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc

kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trang

